

Số: 18/TB-HĐXT

Hoàng Hóa, ngày 11 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết quả phỏng vấn xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện năm 2021

Thực hiện Phương án số 12/PA-UBND ngày 17/08/2021 của UBND huyện về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Hoàng Hóa năm 2021; Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện năm 2021,

Ngày 10/10/2020 Hội đồng xét tuyển đã tổ chức phỏng vấn xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện năm 2021. Qua tổng hợp, Hội đồng xét tuyển thông báo như sau:

1. Kết quả phỏng vấn

1.1. Buổi sáng ngày 10/10/2021: thực hiện phỏng vấn đối với các đối tượng:

Giáo viên mầm non đang hợp đồng lao động tại các trường mầm non trên địa bàn huyện theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 và Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thí sinh tham dự xét tuyển theo vị trí việc làm: Giáo viên Văn hóa tiểu học, Giáo viên Tiếng Anh tiểu học; Kiểm nghiệm viên cây trồng.

- Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia phỏng vấn: 111 thí sinh, trong đó:

- + Vị trí giáo viên Mầm non: 64 thí sinh;
- + Vị trí giáo viên Văn hóa Tiểu học: 32 thí sinh
- + Vị trí giáo viên Tiếng anh Tiểu học: 13 thí sinh
- + Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng: 02 thí sinh

- Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 90 thí sinh, trong đó:

- + Vị trí giáo viên Mầm non: 56 thí sinh;
- + Vị trí giáo viên Văn hóa Tiểu học: 25 thí sinh
- + Vị trí giáo viên Tiếng anh Tiểu học: 08 thí sinh
- + Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng: 01 thí sinh

- Tổng số thí sinh vắng: 21 thí sinh, trong đó:

- + Vị trí giáo viên Mầm non: 08 thí sinh;
- + Vị trí giáo viên Văn hóa Tiểu học: 07 thí sinh
- + Vị trí giáo viên Tiếng anh Tiểu học: 05 thí sinh
- + Vị trí Kiểm nghiệm viên cây trồng: 01 thí sinh

- Tổng hợp kết quả phỏng vấn:

+ Số thí sinh có điểm phỏng vấn từ 50 điểm trở lên: 89 thí sinh;



+ Số thí sinh có điểm phỏng vấn dưới 50 điểm: 01 thí sinh.

- Dự kiến trúng tuyển: 59 thí sinh

(Có tổng hợp kết quả xét tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển gửi kèm)

1.2. Buổi chiều ngày 10/10/2021: theo kế hoạch thực hiện phỏng vấn đối với vị trí việc làm là giáo viên mầm non, đối tượng thí sinh tự do nếu như còn chỉ tiêu. Tuy vậy sau khi tổng hợp kết quả phỏng vấn ở buổi sáng, vị trí giáo viên mầm non đã lấy đủ 35 chỉ tiêu theo chấp thuận của UBND tỉnh. Vì vậy, Hội đồng xét tuyển đã thông báo đến từng thí sinh về việc dừng tổ chức phỏng vấn vào buổi chiều ngày 10/10/2021.

2. Yêu cầu về hồ sơ của người dự kiến trúng tuyển

Yêu cầu những người thuộc danh sách dự kiến trúng tuyển phải trực tiếp mang bản gốc văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển để Hội đồng xét tuyển kiểm tra, đồng thời nộp 2 bộ hồ sơ tại Phòng Nội vụ huyện Hoàng Hóa. Thành phần mỗi bộ hồ sơ gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

- Các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực;

- Hộ khẩu thường trú (bản phô tô);

- 02 ảnh 3x4

Ngoài ra, đối với giáo viên hợp đồng tỉnh, hồ sơ phải có thêm: Hợp đồng lao động do chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa ký; Kết quả xếp loại về việc thực hiện nhiệm vụ trong 3 năm hợp đồng giảng dạy gần nhất (có xác nhận của hiệu trưởng).

Mỗi bộ hồ sơ đựng trong bao bì, bên ngoài ghi đầy đủ các thông tin về số lượng thành phần có trong hồ sơ.

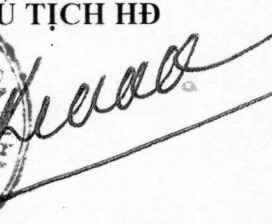
* Địa điểm nộp hồ sơ: Hội trường tầng 3, cơ quan UBND huyện Hoàng Hóa

* Thời gian: Buổi sáng, bắt đầu từ 7 giờ 30 phút, ngày 13/10/2021 (Thứ tư).

Hội đồng xét tuyển thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan, thí sinh dự tuyển biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐXT;
- Ban giám sát;
- Các thí sinh tham gia dự tuyển;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH HĐ

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Sỹ Nghiêm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021
(Danh sách kèm theo Công văn số 18 /HĐXT ngày 11/10/2021 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Phòng vấn	Tổng điểm (tính cả điểm ưu tiên)	Xếp thứ
1	1	1	Hoàng Thị Bắc	16.02.1984	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0	
2	1	2	Lê Thị Bích	20.08.1993	GV Mầm Non				Vắng
3	1	3	Nguyễn Thị Bình	02.06.1989	GV Mầm Non		52,0	52,0	
4	1	4	Nguyễn Thị Cảnh	10.03.1993	GV Mầm Non		75,0	75,0	
5	1	5	Lê Thị Dung	15.11.1995	GV Mầm Non		80,0	80,0	
6	1	6	Chu Thị Định	25.10.1986	GV Mầm Non		50,0	50,0	
7	1	7	Cao Thị Gấm	01.09.1992	GV Mầm Non	5,0	73,0	78,0	
8	1	8	Nguyễn Thị Giang	15.09.1987	GV Mầm Non		74,0	74,0	
9	1	9	Lê Thị Hà	03.01.1987	GV Mầm Non	5,0	76,0	81,0	
10	1	10	Cao Thu Hà	26.11.1993	GV Mầm Non		72,0	72,0	
11	1	11	Bùi Thị Hà	20.09.1987	GV Mầm Non	5,0	53,0	58,0	
12	1	12	Lê Thị Thu Hà	01.01.1990	GV Mầm Non		73,0	73,0	
13	1	13	Hoàng Thị Hà	10.06.1985	GV Mầm Non		70,0	70,0	
1	2	14	Lê Thị Hải	15.01.1995	GV Mầm Non				Vắng
2	2	15	Lê Thị Hằng	05.07.1985	GV Mầm Non		52,0	52,0	
3	2	16	Lê Thị Hiền	12.08.1994	GV Mầm Non		51,0	51,0	
4	2	17	Hoàng Thị Hiếu	20.09.1987	GV Mầm Non		60,0	60,0	
5	2	18	Phùng Thị Hoa	15.10.1986	GV Mầm Non		73,0	73,0	
6	2	19	Lê Thị Hoa	02.05.1990	GV Mầm Non		71,0	71,0	
7	2	20	Tào Thị Hồng	25.09.1987	GV Mầm Non				Vắng
8	2	21	Trịnh Thị Hồng	24.09.1981	GV Mầm Non				Vắng
9	2	22	Lưu Thị Hồng	30.11.1992	GV Mầm Non				Vắng
10	2	23	Nguyễn Thị Hương	02.02.1986	GV Mầm Non		70,0	70,0	
11	2	24	Nguyễn Thị Lan	20.05.1986	GV Mầm Non		70,0	70,0	
12	2	25	Lê Thị Len	20.07.1991	GV Mầm Non		60,0	60,0	
13	2	26	Phạm Thị Liên	28.07.1990	GV Mầm Non		72,0	72,0	
1	3	27	Hà Thị Thùy Liên	20.01.1983	GV Mầm Non		80,0	80,0	
2	3	28	Đặng Thị Loan	20.06.1991	GV Mầm Non		79,0	79,0	
3	3	29	Lê Thị Luyến	20.10.1993	GV Mầm Non		57,0	57,0	
4	3	30	Chu Thị Lý	05.08.1985	GV Mầm Non	5,0	45,0	50,0	
5	3	31	Đỗ Thị Hải Lý	14.02.1995	GV Mầm Non		78,0	78,0	
6	3	32	Lê Thị Nga	10.10.1987	GV Mầm Non	5,0			Vắng
7	3	33	Hà Thị Nguyên	03.07.1989	GV Mầm Non		82,0	82,0	
8	3	34	Võ Thị Nguyên	01.10.1991	GV Mầm Non		60,0	60,0	
9	3	35	Nguyễn Thị Nguyệt	26.08.1985	GV Mầm Non				Vắng
10	3	36	Lang Thị Nhung	10.07.1992	GV Mầm Non	5,0	78,0	83,0	
11	3	37	Nguyễn Thị Nhung	11.04.1984	GV Mầm Non	5,0	80,0	85,0	
12	3	38	Khương Thị Oanh	16.09.1995	GV Mầm Non		77,0	77,0	
13	3	39	Phạm Thị Oanh	02.08.1986	GV Mầm Non		76,0	76,0	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm (tính cả điểm ưu tiên)	Xếp thứ
1	4	40	Lê Thị Oanh	05.08.1990	GV Mầm Non		60,0	60,0	
2	4	41	Hoàng Thị Oánh	07.08.1988	GV Mầm Non		80,0	80,0	
3	4	42	Lê Thị Phương	10.08.1983	GV Mầm Non		79,0	79,0	
4	4	43	Trương Thị Phương	10.10.1984	GV Mầm Non		61,0	61,0	
5	4	44	Cao Thị Phương	08.01.1987	GV Mầm Non		80,0	80,0	
6	4	45	Lê Thị Phương	09.03.1986	GV Mầm Non		78,0	78,0	
7	4	46	Lê Thị Tâm	19.05.1995	GV Mầm Non		60,0	60,0	
8	4	47	Hoàng Thị Thanh	01.10.1986	GV Mầm Non		77,0	77,0	
9	4	48	Lê Thị Thanh	05.10.1990	GV Mầm Non	5,0	80,0	85,0	
10	4	49	Phạm Thị Thành	06.05.1978	GV Mầm Non	5,0	59,0	64,0	
11	4	50	Nguyễn Thị Thảo	01.06.1988	GV Mầm Non		59,0	59,0	
12	4	51	Dương Quỳnh Thoa	12.09.1985	GV Mầm Non		79,0	79,0	
13	4	52	Hoàng Thị Thời	06.05.1993	GV Mầm Non		59,0	59,0	
1	5	53	Trần Thị Thu	10.03.1985	GV Mầm Non		61,0	61,0	
2	5	54	Nguyễn Thị Thu	15.09.1989	GV Mầm Non		73,0	73,0	
3	5	55	Đặng Thị Thương	05.10.1990	GV Mầm Non		62,0	62,0	
4	5	56	Nguyễn Thị Thúy	04.06.1995	GV Mầm Non		77,0	77,0	
5	5	57	Lê Thanh Thủy	14.02.1991	GV Mầm Non		75,0	75,0	
6	5	58	Lê Thị Thủy	15.05.1985	GV Mầm Non		51,0	51,0	
7	5	59	Lê Thị Thủy	04.07.1988	GV Mầm Non		73,0	73,0	
8	5	60	Lê Thị Trang	17.03.1994	GV Mầm Non		52,0	52,0	
9	5	61	Phạm Thị Trang	26.11.1985	GV Mầm Non		71,0	71,0	
10	5	62	Nguyễn Thị Tuyết	15.01.1986	GV Mầm Non		54,0	54,0	
11	5	63	Cao Thị Yến	20.02.1987	GV Mầm Non				Vắng
12	5	64	Nguyễn Thị Yến	26.09.1991	GV Mầm Non		71,0	71,0	
1	6	65	Nguyễn Khánh An	24.10.1999	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
2	6	66	Lê Thị Dung	08.04.1997	GV Văn hóa TH	5,0	71,0	76,0	
3	6	67	Bùi Thanh Hải	01.01.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
4	6	68	Nguyễn Thị Thu Hằng	02.08.1994	GV Văn hóa TH		77,0	77,0	
5	6	69	Lê Thị Hồng	15.07.1995	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
6	6	70	Nguyễn Thị Hồng	07.08.1996	GV Văn hóa TH				Vắng
7	6	71	Nguyễn Thị Hương	02.08.1998	GV Văn hóa TH				Vắng
8	6	72	Lê Thị Hương	01.01.1995	GV Văn hóa TH	5,0	72,0	77,0	
9	6	73	Lê Thị Hương	10.05.1995	GV Văn hóa TH				Vắng
10	6	74	Phạm Thị Hường	14.02.1999	GV Văn hóa TH		55,0	55,0	
11	6	75	Bùi Thị Lan	21.11.1984	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
12	6	76	Lê Thị Liên	06.01.1986	GV Văn hóa TH	5,0	60,0	65,0	
13	6	77	Hà Thị Ly	26.06.1998	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
14	6	78	Trương Thị Mến	02.04.1993	GV Văn hóa TH		75,0	75,0	
15	6	79	Lê Thị Nga	06.03.1998	GV Văn hóa TH				Vắng
16	6	80	Hà Thị Nghiêm	06.08.1987	GV Văn hóa TH	5,0	70,0	75,0	
1	7	81	Lò Thị Hồng Nhung	25.07.1997	GV Văn hóa TH	5,0	70,0	75,0	
2	7	82	Nguyễn Thị Oanh	03.10.1998	GV Văn hóa TH				Vắng
3	7	83	Trần Thị Phương	12.05.1998	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
4	7	84	Nguyễn Thị Phương	15.12.1999	GV Văn hóa TH		56,0	56,0	

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm (tính cả điểm ưu tiên)	Xếp thứ
5	7	85	Nguyễn Thị Phương	23.10.1999	GV Văn hóa TH		51,0	51,0	
6	7	86	Hà Thị Phương	06.06.1998	GV Văn hóa TH				Vắng
7	7	87	Lưu Anh Quỳnh	10.09.1998	GV Văn hóa TH		55,0	55,0	
8	7	88	Bùi Thị Quỳnh	09.10.1994	GV Văn hóa TH	5,0	55,0	60,0	
9	7	89	Mai Văn Thành	20.03.1990	GV Văn hóa TH		60,0	60,0	
10	7	90	Trần Thị Thơm	28.03.1999	GV Văn hóa TH				Vắng
11	7	91	Lương Thị Thúy	05.09.1996	GV Văn hóa TH		57,0	57,0	
12	7	92	Tăng Thị Thúy	06.09.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
13	7	93	Cao Thị Thùy	24.03.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
14	7	94	Nguyễn Thị Tươi	28.03.1999	GV Văn hóa TH		52,0	52,0	
15	7	95	Nguyễn Thị Tuyết	24.06.1986	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
16	7	96	Nguyễn Thị Uyên	29.09.1996	GV Văn hóa TH		72,0	72,0	
1	8	97	Đào Thị Diệu	02.02.1998	GV Tiếng anh TH				Vắng
2	8	98	Phan Thị Thùy Dương	25.03.1992	GV Tiếng anh TH		70,0	70,0	
3	8	99	Nguyễn Thị Hiền	21.01.1998	GV Tiếng anh TH		82,0	82,0	
4	8	100	Mai Thị Hồng	23.08.1998	GV Tiếng anh TH				Vắng
5	8	101	Lê Thanh Huyền	10.04.1998	GV Tiếng anh TH		85,0	85,0	
6	8	102	Lê Thị Thanh Huyền	23.10.1984	GV Tiếng anh TH	5,0	63,0	68,0	
7	8	103	Lê Thị Liên	14.09.1998	GV Tiếng anh TH				Vắng
8	8	104	Cao Thị Thùy Linh	20.06.1998	GV Tiếng anh TH				Vắng
9	8	105	Hoàng Thị Ngọc Mai	20.10.1987	GV Tiếng anh TH		63,0	63,0	
10	8	106	Trương Thị Mai	01.04.1992	GV Tiếng anh TH	5,0	70,0	75,0	
11	8	107	Nguyễn Thị Phúc	18.08.1983	GV Tiếng anh TH	5,0			Vắng
12	8	108	Nguyễn Thị Thơm	08.04.1985	GV Tiếng anh TH	5,0	55,0	60,0	
13	8	109	Hoàng Thị Thủy	08.02.1987	GV Tiếng anh TH		80,0	80,0	
14	8	110	Lê Ngọc Phúc	10.08.1998	Kiểm nghiệm viên cây trồng		77,0	77,0	
15	8	111	Lê Thị Thu	22.05.1996	Kiểm nghiệm viên cây trồng				Vắng



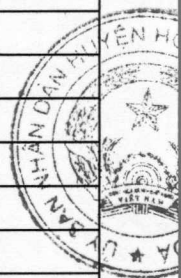
Handwritten signature

UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2021



DỰ KIẾN DANH SÁCH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021
(Danh sách kèm theo Công văn số 18 /HĐXT ngày 11/10/2021 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Phòng vấn	Tổng điểm (tính cả điểm ưu tiên)	Ghi chú
1	3	37	Nguyễn Thị Nhung	11.04.1984	GV Mầm Non	5,0	80,0	85,0	
2	4	48	Lê Thị Thanh	05.10.1990	GV Mầm Non	5,0	80,0	85,0	
3	3	36	Lang Thị Nhung	10.07.1992	GV Mầm Non	5,0	78,0	83,0	
4	3	33	Hà Thị Nguyên	03.07.1989	GV Mầm Non		82,0	82,0	
5	1	9	Lê Thị Hà	03.01.1987	GV Mầm Non	5,0	76,0	81,0	
6	1	5	Lê Thị Dung	15.11.1995	GV Mầm Non		80,0	80,0	
7	3	27	Hà Thị Thùy Liên	20.01.1983	GV Mầm Non		80,0	80,0	
8	4	41	Hoàng Thị Oánh	07.08.1988	GV Mầm Non		80,0	80,0	
9	4	44	Cao Thị Phương	08.01.1987	GV Mầm Non		80,0	80,0	
10	3	28	Đặng Thị Loan	20.06.1991	GV Mầm Non		79,0	79,0	
11	4	42	Lê Thị Phương	10.08.1983	GV Mầm Non		79,0	79,0	
12	4	51	Dương Quỳnh Thoa	12.09.1985	GV Mầm Non		79,0	79,0	
13	1	7	Cao Thị Gấm	01.09.1992	GV Mầm Non	5,0	73,0	78,0	
14	3	31	Đỗ Thị Hải Lý	14.02.1995	GV Mầm Non		78,0	78,0	
15	4	45	Lê Thị Phương	09.03.1986	GV Mầm Non		78,0	78,0	
16	3	38	Khương Thị Oanh	16.09.1995	GV Mầm Non		77,0	77,0	
17	4	47	Hoàng Thị Thanh	01.10.1986	GV Mầm Non		77,0	77,0	
18	5	56	Nguyễn Thị Thúy	04.06.1995	GV Mầm Non		77,0	77,0	
19	1	1	Hoàng Thị Bắc	16.02.1984	GV Mầm Non	5,0	71,0	76,0	
20	3	39	Phạm Thị Oanh	02.08.1986	GV Mầm Non		76,0	76,0	
21	1	4	Nguyễn Thị Cảnh	10.03.1993	GV Mầm Non		75,0	75,0	
22	5	57	Lê Thanh Thủy	14.02.1991	GV Mầm Non		75,0	75,0	
23	1	8	Nguyễn Thị Giang	15.09.1987	GV Mầm Non		74,0	74,0	
24	1	12	Lê Thị Thu Hà	01.01.1990	GV Mầm Non		73,0	73,0	
25	2	18	Phùng Thị Hoa	15.10.1986	GV Mầm Non		73,0	73,0	
26	5	54	Nguyễn Thị Thu	15.09.1989	GV Mầm Non		73,0	73,0	
27	5	59	Lê Thị Thủy	04.07.1988	GV Mầm Non		73,0	73,0	
28	1	10	Cao Thu Hà	26.11.1993	GV Mầm Non		72,0	72,0	
29	2	26	Phạm Thị Liên	28.07.1990	GV Mầm Non		72,0	72,0	
30	2	19	Lê Thị Hoa	02.05.1990	GV Mầm Non		71,0	71,0	
31	5	61	Phạm Thị Trang	26.11.1985	GV Mầm Non		71,0	71,0	
32	5	64	Nguyễn Thị Yên	26.09.1991	GV Mầm Non		71,0	71,0	
33	1	13	Hoàng Thị Hà	10.06.1985	GV Mầm Non		70,0	70,0	
34	2	23	Nguyễn Thị Hương	02.02.1986	GV Mầm Non		70,0	70,0	
35	2	24	Nguyễn Thị Lan	20.05.1986	GV Mầm Non		70,0	70,0	
36	6	68	Nguyễn Thị Thu Hằng	02.08.1994	GV Văn hóa TH		77,0	77,0	
37	6	72	Lê Thị Hương	01.01.1995	GV Văn hóa TH	5,0	72,0	77,0	
38	6	66	Lê Thị Dung	08.04.1997	GV Văn hóa TH	5,0	71,0	76,0	
39	6	78	Trương Thị Mến	02.04.1993	GV Văn hóa TH		75,0	75,0	



TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Phòng vấn	Tổng điểm (tính cả điểm ưu tiên)	Ghi chú
40	6	80	Hà Thị Nghiêm	06.08.1987	GV Văn hóa TH	5,0	70,0	75,0	
41	7	81	Lò Thị Hồng Nhung	25.07.1997	GV Văn hóa TH	5,0	70,0	75,0	
42	7	96	Nguyễn Thị Uyên	29.09.1996	GV Văn hóa TH		72,0	72,0	
43	6	67	Bùi Thanh Hải	01.01.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
44	6	69	Lê Thị Hồng	15.07.1995	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
45	7	92	Tăng Thị Thúy	06.09.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
46	7	93	Cao Thị Thùy	24.03.1999	GV Văn hóa TH		71,0	71,0	
47	6	65	Nguyễn Khánh An	24.10.1999	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
48	6	75	Bùi Thị Lan	21.11.1984	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
49	6	77	Hà Thị Ly	26.06.1998	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
50	7	83	Trần Thị Phương	12.05.1998	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
51	7	95	Nguyễn Thị Tuyết	24.06.1986	GV Văn hóa TH		70,0	70,0	
52	6	76	Lê Thị Liên	06.01.1986	GV Văn hóa TH	5,0	60,0	65,0	
53	7	88	Bùi Thị Quỳnh	09.10.1994	GV Văn hóa TH	5,0	55,0	60,0	
54	7	89	Mai Văn Thành	20.03.1990	GV Văn hóa TH		60,0	60,0	
55	7	91	Lương Thị Thúy	05.09.1996	GV Văn hóa TH		57,0	57,0	
56	8	101	Lê Thanh Huyền	10.04.1998	GV Tiếng anh TH		85,0	85,0	
57	8	99	Nguyễn Thị Hiền	21.01.1998	GV Tiếng anh TH		82,0	82,0	
58	8	109	Hoàng Thị Thủy	08.02.1987	GV Tiếng anh TH		80,0	80,0	
59	8	110	Lê Ngọc Phúc	10.08.1998	Kiểm nghiệm viên cây trồng		77,0	77,0	

